ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2020-2021

TOÁN 6

I. CÁC KIẾN THỨC TRỌNG TÂM GIỮA HỌC KỲ 2:

- Các phép toán trên tập hợp số nguyên.
- Rút gọn, so sánh, cộng trừ phân số.
- Vẽ góc, tính số đo góc, tia phân giác của một góc.

II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2:

Chủ đề	Cấp độ tư duy				Tổng
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	
1. Số nguyên.		Thực hiện được dãy các phép tính cộng, trừ, nhân, chia và giá trị tuyệt đối của số nguyên.	Vận dụng được quy tắc chuyển vế, tính chất cơ bản của phép nhân số nguyên vào tính toán.		
Số câu:		1	3		4
Số điểm:		0,75	2,25		3,0
Tỷ lệ:		7,5%	22,5%		30%
2. Phân số.		Biết rút gọn và so sánh hai phân số. Thực hiện được các phép tính cộng, trừ hai phân số.	Vận dụng hai phân số bằng nhau và các tính chất cơ bản của phép cộng phân số vào làm toán.	Vận dụng các quy tắc và các tính chất về phân số để tính tổng dãy số hoặc so sánh.	
Số câu:		3	2	1	6
Số điểm:		2,25	1,75	0,5	4,5
Tỷ lệ:		22,5%	17,5%	5%	45%
3. Góc.		Biết vẽ một góc có số đo cho trước. Hiểu được nếu tia Oy nằm giữa hai tia Ox, Oz thì $xOy + yOz = xOz$. Hiểu khái niệm tia phân giác của một góc.	Biết vẽ tia phân giác của một góc. Vận dụng tính chất tia phân giác của một góc để tính toán.		
Số câu:		2	1		3
Số điểm:		2,0	0,5		2,5
Tỷ lệ:		20%	5%		25%
Tổng số câu:		**6**	**6**	**1**	**13**
Tổng số điểm:		**5,0**	**4,5**	**0,5**	**10,0**
Tỷ lệ:		**50%**	**45%**	**5%**	**100%**

III. ĐỀ THAM KHẢO:

ĐỀ 01

Bài 1 (1,0 điểm)

a) Rút gọn: $\frac{-32}{24}$

b) Điền dấu $>, <, =$ thích hợp vào ô trống: $\frac{3}{4} \square \frac{2}{3}$

Bài 2 (2,0 điểm): Thực hiện từng bước các phép tính trong các biểu thức sau

a) $21 + (-7) - (-6)$ b) $\left(-\frac{1}{6} + \frac{7}{-12}\right) + \frac{7}{12}$ c) $\frac{7}{36} - \frac{8}{9} + \frac{-2}{3}$

Bài 3 (2,0 điểm): Tính nhanh

a) $(-23).169 + 23.(-31)$ b) $\frac{27}{23} - \frac{-5}{21} - \frac{4}{23} + \frac{16}{21} + \frac{1}{2}$

Bài 4 (2,0 điểm): Tìm x, biết:

a) $x - 33 = -17$ b) $3 - (17 - 2x) = 36$ c) $x + \frac{3}{4} = \frac{-5}{6}$

Bài 5 (2,5 điểm): Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox. Vẽ hai tia Oy và Oz sao cho góc $\widehat{xOy} = 50^0, \widehat{xOz} = 120^0$.

a) Tính số đo $\widehat{yOz}$.

b) Vẽ Om là tia phân giác của $\widehat{yOz}$, On là tia đối của tia Ox. Tính số đo của $\widehat{mOn}$.

Bài 6 (0,5 điểm): Cho S $= \frac{1}{50} + \frac{1}{51} + \frac{1}{52} + \cdots + \frac{1}{98} + \frac{1}{99}$. So sánh S và $\frac{1}{2}$

ĐỀ 02

Bài 1 (1,0 điểm)

a) Rút gọn: $\frac{25}{-15}$ b) So sánh: $\frac{-1}{4}$ và $\frac{-3}{16}$

Bài 2 (2,0 điểm): Thực hiện từng bước các phép tính trong các biểu thức sau:

a) $21:(-3) + (-17)$ b) $\frac{-11}{3} + \frac{10}{-3}$ c) $\frac{5}{14} + \frac{3}{7} - \frac{1}{21}$

Bài 3 (2,0 điểm): Tính nhanh

a) $(-54).47 + 146.5 + 54$ b) $\left(\frac{13}{18} + \frac{1}{71}\right) - \left(\frac{13}{18} - \frac{70}{71} + \frac{5}{11}\right)$

Bài 4 (2,0 điểm): Tìm x, biết:

a) $x + 42 = 0$ b) $-4x - 13 = 3$ c) $\frac{4}{x} - \frac{1}{2} = \frac{-1}{6}$

Bài 5 (2,5 điểm): Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, vẽ $\widehat{xOy} = 70^0, \widehat{xOt} = 140^0$.

a) Tính $\widehat{yOt}$.

b) Hỏi Oy có là tia phân giác của $\widehat{xOt}$ không? Vì sao?

c) Vẽ Om là tia phân giác của $\widehat{xOy}$. Tính $\widehat{mOt}$.

Bài 6 (0,5 điểm): Cho $S = \frac{1}{5^2} + \frac{1}{6^2} + \frac{1}{7^2} + \cdots + \frac{1}{99^2} + \frac{1}{100^2}$. Chứng tỏ $S > \frac{1}{5}$.

ĐỀ 03

Bài 1 (1,0 điểm)

a) Rút gọn: $\frac{-38}{-57}$ b) So sánh: $\frac{-3}{4}$ và $\frac{-5}{6}$

Bài 2 (2,0 điểm): Thực hiện từng bước các phép tính trong các biểu thức sau:

a) $26 + (-6): 2$ b) $\frac{11}{3} - \frac{12}{9}$ c) $1 + \frac{3}{2} - \frac{1}{12}$

Bài 3 (2,0 điểm): Tính nhanh

a) $8.(-5).125.(-52)$ b) $\frac{5}{377} - \left(\frac{13}{18} - \frac{70}{71} + \frac{5}{377}\right) + \frac{1}{71}$

Bài 4 (2,0 điểm): Tìm x, biết:

a) $-4(\mathrm{x} + 13) = 12$ b) $\frac{x}{3} = \frac{6}{9}$ c) $-2x = x + 6$

Bài 5 (2,5 điểm): Trên cùng một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox, vẽ hai tia Oz và Oy sao cho $\widehat{xOz} = 60^0$, $\widehat{xOy} = 120^0$.

a) Tính $\widehat{yOz}$.
b) Vẽ Ot là tia đối của tia Ox. Chứng tỏ rằng Oy là tia phân giác của $\widehat{tOz}$.
c) Vẽ Om là tia phân giác của $\widehat{zOy}$. Tính $\widehat{mOx}$

Bài 6 (0,5 điểm): Một khu vườn có $\frac{2}{9}$ diện tích trồng hoa và $\frac{1}{2}$ diện tích trồng rau. Hỏi diện tích còn lại sau khi trồng hoa và trồng rau chiếm bao nhiêu phần trăm diện tích của vườn?

ĐỀ 04

Bài 1 (1,0 điểm)

a) Rút gọn: $\frac{35}{-14}$ b) So sánh: $\frac{-10}{9}$ và $\frac{-11}{12}$

Bài 2 (2,0 điểm): Thực hiện từng bước các phép tính trong các biểu thức sau:

a) $2.(-13) + (-7)$ b) $\frac{-5}{12} + \frac{3}{16}$ c) $\frac{3}{4} - \frac{5}{8} + \frac{-5}{6}$

Bài 3 (2,0 điểm): Tính nhanh

a) $143 - (582 + 1143)$ b) $\frac{-4}{19} + \frac{15}{17} - \frac{15}{19} + \frac{2}{17} - \frac{8}{23}$

Bài 4 (2,0 điểm): Tìm x, biết:

a) $-42 + \mathrm{x} = -30$ b) $2.|x| = 14$ c) $\left(\frac{1}{2} + \mathrm{x}\right) - \frac{1}{6} = \frac{-1}{6}$

Bài 5 (2,5 điểm): Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, vẽ hai tia Oy và Oz sao cho $\widehat{\mathrm{xOy}} = 30^0, \widehat{\mathrm{xOz}} = 60^0$.

a) Tính $\widehat{\mathrm{yOz}}$.

b) Vẽ Ot là tia đối của tia Ox, vẽ Om là tia phân giác của $\widehat{\mathrm{yOz}}$. Tính $\widehat{\mathrm{mOt}}$.

Bài 6 (0,5 điểm): Bạn An dự định dùng 1 giờ để làm 100 việc theo thứ tự thời gian như sau: $\frac{1}{1.2}$giờ; $\frac{1}{2.3}$giờ; $\frac{1}{3.4}$giờ; …; $\frac{1}{100.101}$giờ. Hỏi bạn An có hoàn tất 100 việc như dự định không? Vì sao?